TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2021/QĐST-HNGĐ	*Như Thanh, ngày 25 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị B - Sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh số 4, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trương Công M - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B 1, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị B** và anh **Trương Công M**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- ***Về hôn nhân:*** Chị Lê Thị B và anh Trương Công M thống nhất thuận tình ly hôn.

- ***Về con chung:*** Chị Lê Thị B, bà Nguyễn Thị H và anh Trương Công M thống nhất: Chị B và anh M có 02 con chung là cháu Trương Thị Như Y - Sinh ngày 18/10/2009 và cháu Trương Thị Yến N - Sinh ngày 30/7/2011.

Hai bên thỏa thuận: Chị B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Như Y và cháu Trương Thị Yến N, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị B mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

- ***Về tài sản và công nợ:*** Chị Lê Thị B, bà Nguyễn Thị H và anh Trương Công M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Lê Thị B, bà Nguyễn Thị H và anh Trương Công M thống nhất:

Anh Trương Công M phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị B chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị là người là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí ly hôn cho chị B.

Tr□ờng hợp Quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH
Thẩm phán

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- UBND xã T, huyện N1;
- Phòng giám đốc án TA tỉnh;
- Lưu Hồ sơ.

Lê Đình Huy